

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 325/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 10/01/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Lê Duy T**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: ấp 1, xã NT, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà **Lý Thị Út M**, sinh năm: 1990. Hộ khẩu thường trú: ấp Gãy, xã TB, huyện TH, tỉnh Long An.

Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học cơ sở LT. Địa chỉ: ấp 2, xã LT, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông T, bà M có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong bản tự khai cùng ngày 12/12/2018 của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Duy T có nội dung như sau:

Ông và bà Lý Thị Út M do quen biết được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 6/2016. Sau khi kết hôn, ông và bà M về chung sống với cha mẹ của ông tại ấp 1, xã NT, huyện X, tỉnh Long An. Vợ chồng ông chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu, ông và bà M chung sống hạnh phúc. Sau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Từ tháng 10/2017, bà M về nhà cha mẹ ruột sống ở xã TB, huyện TH, tỉnh Long An. Từ đó đến nay, vợ chồng ông ly thân, không hàn gắn được tình cảm, không giải quyết được mâu thuẫn. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung, nên yêu cầu được ly hôn với bà Lý Thị Út M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lý Thị Út M trình bày tại bản tự khai ngày 12/12/2018 có nội dung như sau:*

Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như ông T trình bày. Bà và ông T chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Hiện nay, bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung, nên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Lê Duy T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lý Thị Út M. Bà M đang làm việc tại Trường Tiểu học cơ sở LT, huyện X. Địa chỉ: ấp 2, xã LT, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 6/2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ông T không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vào tháng 10/2017, bà M về nhà cha mẹ ruột sống ở xã TB, huyện TH, tỉnh Long An. Từ đó đến nay, ông T và bà M không hàn gắn được tình cảm, không giải quyết được mâu thuẫn. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

Xét thấy: Theo văn bản số 432/UBND-XNTTHN, ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã NT, huyện X xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T là chưa đăng ký kết hôn với ai. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Mỗi quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M không được pháp

luật công nhận. Do đó, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn giữa ông T và bà M pháp luật không công nhận ông T và bà M là vợ chồng.

Về con chung: Ông T và bà M xác định ông bà không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê Duy T đối với bà Lý Thị Út M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Lê Duy T và bà Lý Thị Út M là vợ chồng.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Lê Duy T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001563, ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Lê Duy T không phải nộp thêm. Bà Lý Thị Út M không phải chịu án phí.

3/ Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã NT
- UBND xã TB ;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng